

Minh Tiến, ngày 07 Tháng 6 Năm 2022

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MINH TIẾN
Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách quý II năm 2022
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MINH TIẾN

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015

Căn cứ quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của thủ tướng chính phủ về việc ban hành quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ quyết định số 4122/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND Huyện Phù Cừ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2022 cho UBND xã Minh Tiến;

Căn cứ nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 Năm 2021 của HĐND xã Minh tiến khoá XXII Kỳ họp thứ hai về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội và phê chuẩn dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách quý II năm 2022

(Có phụ lục kèm theo)

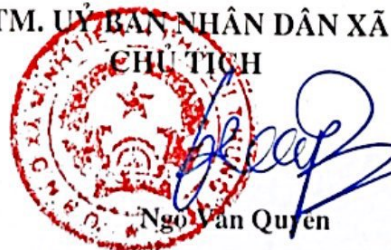
Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh văn phòng HĐND - UBND, tài chính kế toán xã và thủ trưởng đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận :

- Đảng uỷ để B/C
- HĐND-UBND
- Tài chính
- Lưu VP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH



Ngô Văn Quyền

Tỉnh Hưng Yên
Huyện Phú Cù
Xã Minh Tiến

Mẫu biểu số 08

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2022 của UBND xã Minh Tiến)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
Tổng số thu ngân sách xã	143.669.574.000	115.657.204.000	1.368.470.244	1.188.752.227	0,95	1,03
A. Thu ngân sách xã đã qua Kho bạc	143.669.574.000	115.657.204.000	1.368.470.244	1.188.752.227	0,95	1,03
I. Các khoản thu 100%	187.000.000	187.000.000	111.952.900	111.952.900	59,87	59,87
1. Phí, lệ phí	22.000.000	22.000.000	7.519.000	7.519.000	34,18	34,18
2. Thu từ quỹ đất công ích và đất công	95.000.000	95.000.000	92.561.800	92.561.800	97,43	97,43
3. Thu kết dư						
4. Thu chuyển nguồn ngân sách						
5. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước						
7. Thu khác	70.000.000	70.000.000	11.872.100	11.872.100	16,96	16,96
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	139.616.850.000	111.604.480.000	323.215.344	143.497.327	0,23	0,13
Các khoản thu phân chia (1)						
1. Thuế GTGT - TNDN	20.000.000	8.000.000	5.185.657	2.074.265	25,93	25,93
2. Thuế thu nhập cá nhân	90.000.000	38.000.000	183.656.160	73.462.465	204,06	193,32
3. Thuế nhà đất	80.000.000	80.000.000				
4. Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			2.109.463	1.054.733		
5. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình			1.547.652	1.547.652		
6. Tiền đất đai dư	139.216.850.000	111.373.480.000				
Các khoản thu phân chia khác do tỉnh quy định						
7. Lệ phí trước bạ nhà, đất	210.000.000	105.000.000	130.716.412	65.358.212	62,25	62,25
III. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.865.724.000	3.865.724.000	933.302.000	933.302.000	24,14	24,14
Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	3.865.724.000	3.865.724.000	933.302.000	933.302.000	24,14	24,14
Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên						
IV. Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
V. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (nếu có)						



Mẫu biểu số 09

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2022 của UBND xã Minh Tiến)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	DTP	TX	Tổng số	DTP	TX	Tổng số	DTP	TX
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
Tổng số chi	115.657.204.000	111.373.480.000	4.283.724.000	1.106.588.516		1.106.588.516	0,96		25,83
A. Chi ngân sách xã đã qua Khó bạc	115.657.204.000	111.373.480.000	4.283.724.000	1.106.588.516		1.106.588.516	0,96		25,83
Tạo nguồn CCTL từ tăng thu									
I. Chi đầu tư phát triển (1)	111.373.480.000	111.373.480.000							
1. Chi đầu tư XD CB	111.373.480.000	111.373.480.000							
2. Chi đầu tư phát triển khác									
II. Chi thường xuyên	3.973.724.000		3.973.724.000	1.106.588.516		1.106.588.516	27,85		27,85
I. Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	184.130.000		184.130.000	88.131.283		88.131.283	47,86		47,86
Chi dân quân tự vệ	90.760.000		90.760.000	41.206.283		41.206.283	45,4		45,4
Chi an ninh trật tự	93.370.000		93.370.000	46.925.000		46.925.000	50,26		50,26
2. Chi sự nghiệp giáo dục									
3. Chi sự nghiệp y tế	36.500.000		36.500.000	5.117.500		5.117.500	14,02		14,02
Chi sự nghiệp y tế	36.500.000		36.500.000	5.117.500		5.117.500	14,02		14,02
Chi sự nghiệp dân số									
4. Sự nghiệp văn hoá, thông tin, truyền thanh	62.000.000		62.000.000	2.682.000		2.682.000	4,33		4,33
Sự nghiệp văn hoá	16.500.000		16.500.000						
Sự nghiệp truyền thanh	45.500.000		45.500.000	2.682.000		2.682.000	5,89		5,89
5. Sự nghiệp thể dục thể thao	15.500.000		15.500.000						
6. Sự nghiệp kinh tế	90.000.000		90.000.000	51.070.000		51.070.000	56,74		56,74

Tỉnh: Hưng Yên
Huyện: Phù Cừ
Xã: Minh Tiến

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	DTPT	TX	Tổng số	DTPT	TX	Tổng số	DTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
SN giao thông	10.000.000		10.000.000				15,1		
Sự nghiệp nông nghiệp- chăn nuôi- thú y	20.000.000		20.000.000	3.020.000		3.020.000			15,1
SN thị chính									
Thương mại, dịch vụ									
Sự nghiệp môi trường	60.000.000		60.000.000	48.050.000		48.050.000	80,08		80,08
7. Sự nghiệp xã hội	137.400.000		137.400.000	46.566.000		46.566.000	33,89		33,89
Hưu xã và trợ cấp khác	116.400.000		116.400.000	39.426.000		39.426.000	33,87		33,87
Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa, cứu tế xã hội									
Khác	21.000.000		21.000.000	7.140.000		7.140.000	34		34
Chi xây dựng đời sống ở khu dân cư, gia đình văn hóa									
8. Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	3.448.194.000		3.448.194.000	913.021.733		913.021.733	26,48		26,48
Trong đó: Quỹ lương									
8.1. Quản lý nhà nước	1.857.814.000		1.857.814.000	507.109.971		507.109.971	27,3		27,3
8.2. Đảng công sản Việt Nam	622.600.000		622.600.000	144.330.986		144.330.986	23,18		23,18
8.3. Mặt trận tổ quốc Việt Nam	229.450.000		229.450.000	54.173.105		54.173.105	23,61		23,61
8.4. Đoàn Thanh niên CS HCM	187.250.000		187.250.000	66.560.031		66.560.031	35,55		35,55
8.5. Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam	169.300.000		169.300.000	41.480.616		41.480.616	24,5		24,5
8.6. Hội cựu chiến binh Việt Nam	156.480.000		156.480.000	52.670.937		52.670.937	33,66		33,66
8.7. Hội Nông dân Việt Nam	126.300.000		126.300.000	32.369.737		32.369.737	25,63		25,63
9. Tổ chức xã hội	69.000.000		69.000.000	14.326.350		14.326.350	20,76		20,76
Hội chữ thập đỏ	20.500.000		20.500.000	4.566.850		4.566.850	22,28		22,28
Hội người cao tuổi	48.500.000		48.500.000	9.759.500		9.759.500	20,12		20,12
10. Chi khác	30.000.000		30.000.000						
III. Dự phòng	140.000.000		140.000.000						
IV. Tiết kiệm	100.000.000		100.000.000						
VI. Dự phòng tăng lương	70.000.000		70.000.000						



Mẫu biểu số 07

BIỂU CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2022 của UBND xã Minh Tiến)

Đơn vị: đồng			
Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng số thu	1.188.752.227	Tổng số chi	1.106.588.516
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	111.952.900	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	143.497.327	II. Chi thường xuyên	1.106.588.516
III. Thu bổ sung	933.302.000	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	
- Bổ sung cân đối ngân sách		IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	933.302.000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước			
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)			
Kết dư ngân sách	82.163.711		